

Để ghi nhớ kiến thức, các em cần luyện tập giải các bài tập trong sách giáo khoa và sách bài tập cũng như là các loại sách tham khảo khác từ đó tìm ra phương pháp giải hay, đa dạng cho các bài tập, làm tiền đề cho các kì thi sắp tới. Dưới đây là hướng dẫn giải toán lớp 4 trang 178 SGK đầy đủ nhất được chia sẻ miễn phí, hỗ trợ các em ôn luyện hiệu quả. Mời các em học sinh cùng quý thầy cô tham khảo

Giải toán 4 trang 178 bài 1

Viết các số:

- a) Ba trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi bảy ;
- b) Mười sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi tư;
- c) Một trăm linh năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm linh chín.

Phương pháp giải:

Khi viết số ta viết các chữ số từ trái sang phải, hay viết từ hàng cao tới hàng thấp.

Lời giải chi tiết:

- a) 365847; b) 16530464; c) 105072009.

Bài 2 sách toán lớp 4 trang 178

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 2 yến = ... kg ;	2 yến 6kg = ... kg ;	40kg = ... yến.
b) 5 tạ = ... kg ;	5 tạ 75kg = ... kg ;	800kg = ... tạ ;
5 tạ = ... yến ;	9 tạ 9kg = ... kg ;	$\frac{2}{5}$ tạ = ... kg.
c) 1 tấn = ... kg ;	4 tấn = ... kg ;	2 tấn 800kg = ... kg ;
1 tấn = ... tạ ;	7000kg = ... tấn ;	12 000kg = ... tấn ;
3 tấn 90kg = ... kg ;	$\frac{3}{4}$ tấn = ... kg ;	6000kg = ... tạ.

Lời giải chi tiết:

GIẢI		
a) 2 yến = 20kg	2 yến 6kg = 26kg	40kg = 4 yến
b) 5 tạ = 500kg	5 tạ 75kg = 575kg	800kg = 8 tạ
5 tạ = 50yến	9 tạ 9kg = 909kg	$\frac{2}{5}$ tạ = 40kg
c) 1 tấn = 1000kg	4 tấn = 4 000 kg	2 tấn 800kg = 2800kg
1 tấn = 10tạ	7 000kg = 7 tấn	12 000kg = 12 tấn
3 tấn 90kg = 3090kg	$\frac{3}{4}$ tấn = 750kg	6 000kg = 60 tạ

Giải bài 3 luyện tập chung trang 178 lớp 4

Tính:

a) $\frac{2}{5} + \frac{1}{2} + \frac{7}{10}$;

b) $\frac{4}{9} + \frac{11}{8} - \frac{5}{6}$

c) $\frac{9}{20} - \frac{8}{15} \times \frac{5}{12}$;

d) $\frac{2}{3} : \frac{4}{5} : \frac{7}{12}$

Lời giải chi tiết:

a) $\frac{2}{5} + \frac{1}{2} + \frac{7}{10} = \frac{4}{10} + \frac{5}{10} + \frac{7}{10} = \frac{9}{10} + \frac{7}{10} = \frac{16}{10} = \frac{8}{5}$

b) $\frac{4}{9} + \frac{11}{8} - \frac{5}{6} = \frac{32}{72} + \frac{99}{72} - \frac{60}{72} = \frac{131}{72} - \frac{60}{72} = \frac{71}{72}$

c) $\frac{9}{20} - \frac{8}{15} \times \frac{5}{12} = \frac{9}{20} - \frac{40}{180} = \frac{81}{180} - \frac{40}{180} = \frac{41}{180}$

d) $\frac{2}{3} : \frac{4}{5} : \frac{7}{12} = \frac{2}{3} \times \frac{5}{4} \times \frac{12}{7} = \frac{2 \times 5 \times 12}{3 \times 4 \times 7} = \frac{2 \times 5 \times 3 \times 4}{3 \times 4 \times 7} = \frac{10}{7}$

Bài 4 luyện tập chung lớp 4 trang 178

Một lớp học có 35 học sinh, trong đó số học sinh trai bằng $\frac{3}{4}$

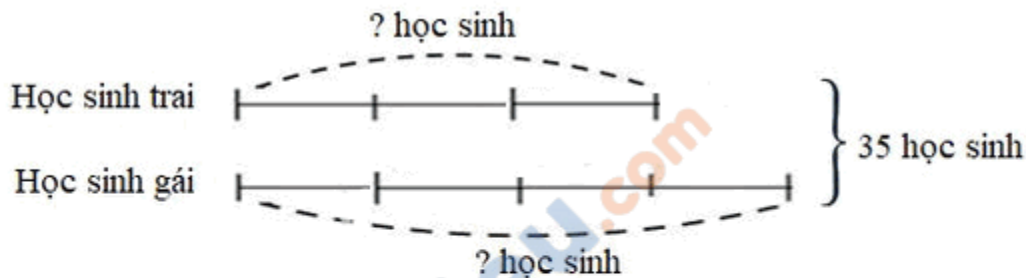
số học sinh gái. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh gái ?

Phương pháp giải:

1. Vẽ sơ đồ: coi số học sinh trai (đóng vai trò số bé) gồm 3 phần bằng nhau thì số học sinh gái (đóng vai trò số lớn) gồm 4 phần như thế.
 2. Tìm tổng số phần bằng nhau.
 3. Tìm giá trị của 1 phần bằng cách lấy tổng hai số chia cho tổng số phần bằng nhau.
 4. Tìm số lớn (lấy giá trị một phần nhân với số phần của số bé).
- Chú ý: Bước 3 và bước 4 có thể gộp lại thành một bước.

Lời giải chi tiết:

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 4 = 7 \text{ (phần)}$$

Số học sinh gái của lớp học đó là:

$$35 : 7 \times 4 = 20 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 20 học sinh gái.

Giải bài toán lớp 4 trang 178 bài 5

- a) Hình vuông và hình chữ nhật cùng có những đặc điểm gì ?
- b) Hình chữ nhật và hình bình hành cùng có những đặc điểm gì ?

Phương pháp giải:

- Dựa vào tính chất của các hình.
- Vẽ hình ra nháp để quan sát lại.

Lời giải chi tiết:

a) Hình vuông và hình chữ nhật cùng có những đặc điểm sau:

- Có 4 góc vuông.
- Có các cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.
- Có các cạnh liên tiếp vuông góc với nhau.

Có thể nhận xét: Hình vuông là hình chữ nhật đặc biệt có chiều dài bằng chiều rộng.

b) Hình chữ nhật và hình bình hành cũng có những đặc điểm sau: Có các cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Có thể nhận xét: Hình chữ nhật có thể coi là hình bình hành đặc biệt (có 4 góc vuông).